

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-ST.

Ngày: 12 - 5 - 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Gia Lương.

*Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hà Giang.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Khánh.

Ông Nguyễn Đức Kha.

Ông Ngô Văn Bê.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST- HS ngày 24/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HS ngày 10/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/HSST-QĐ ngày 30/3/2022; Thông báo V/v thay đổi lịch phiên tòa số 59/TB-TA ngày 18/4/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Dương Văn H**, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1972, tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKNKTT: Thôn X, xã D, huyện P, tỉnh T;

Nơi ở: Tổ 5, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 7/12;

Con ông Dương Văn T, sinh năm 1950;

Con bà Vũ Thị M (đã chết);

Gia đình có 06 anh em, bị cáo là thứ nhất;

Vợ: Vũ Thị N, sinh năm 1973 ( Là bị cáo trong vụ án);

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1995;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 21/6/2021, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

**\* Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn H:** Ông Giáp Văn Điệp - Luật sư Công ty Luật TNHH Fanci, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Địa chỉ: Số 344, đường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Giang.

2. Họ và tên: **Vũ Thị N**, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1973, tại huyện T, tỉnh B;  
Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKNKTT: Thôn X, xã D, huyện P, tỉnh T;

Nơi ở: Tổ 5, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 3/12;

Con ông Vũ Văn Thủy (đã chết);

Con bà Dương Thị Vị, sinh năm 1939;

Gia đình có 07 anh em, bị cáo là thứ sáu;

Chồng: Dương Văn H, sinh năm 1972 ( Là bị cáo trong vụ án);

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1995;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 21/6/2021, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

**\* Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị N:** Ông Ngô Bắc Tiến - Luật sư Văn phòng Luật sư Đồng Tâm & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 296, đường Lê Hồng Phong 4, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

**\* Người làm chứng:**

1. Anh NLC1, sinh năm 1980 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: P, xã V, huyện T, tỉnh B.

Hiện đang chấp hành án tù “Chung thân” tại Phân trại 1, Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh NLC2, sinh năm 1985 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện P, tỉnh T;

Hiện đang chấp hành án 20 “ Hai mươi” năm tù tại Trại giam Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Ông NLC3, sinh năm 1962 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: Bản S, xã T, huyện B, tỉnh S.

4. Chị NLC4, sinh năm 1971 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: Bản S, xã T, huyện B, tỉnh S

5. Bà NLC5, sinh năm 1965 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh B.

6. Ông NLC6, sinh năm 1950 ( Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X xã D, huyện P, tỉnh T.

7. Bà NLC7, sinh năm 1963 ( Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh B.

8. Anh NLC8, sinh năm 1978 ( Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện P, tỉnh T.

**\* Người chứng kiến:**

1. Ông NCK1, sinh năm 1959 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh B.

2. Anh NCK2, sinh năm 1969 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 95, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 24/6/2012, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Bắc Giang phối hợp với Công an huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang có mặt tại thôn Ngo, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên phát hiện có 01 xe ô tô màu sơn trắng loại 04 chỗ ngồi, trên xe có 02 người đàn ông có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác đã yêu cầu các đối tượng xuống xe để kiểm tra. Một người đàn ông xuống xe, người đàn ông còn lại ngồi ở ghế lái xe lợi dụng sơ hở đã lái xe ô tô chạy thoát. Người đàn ông vừa xuống xe khai tên là NLC1, sinh năm 1980, trú tại phố M, xã V, huyện T. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, phát hiện trong cặp quần NLC1 mặc có 01 túi nilon màu đen trong có 01 bánh hình hộp chữ nhật màu trắng, NLC1 khai nhận đó là 01 bánh ma túy Heroine đang chuẩn bị bán cho khách thì bị phát hiện, bắt quả tang. Tổ công tác phát hiện có 01 thanh niên đang đứng gần đó có biểu hiện nghi vấn nên đã giữ lại. Người thanh niên khai tên là NLC2, sinh năm 1985, trú tại thôn Xuồm, xã D, huyện P, tỉnh T. Đăng khai nhận vừa giao cho NLC1 01 túi nilon màu đen trong có 01 bánh ma túy Heroine để NLC1 bán cho khách của NLC1. Tổ công tác đã đưa NLC1, Đăng cùng vật chứng, tài sản đến trụ sở Công an xã Lam Cốt, huyện Tân Yên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm có: Thu giữ trong cặp quần NLC1 đang mặc có 01 túi nilon màu đen trong có 01 khối chất bột màu trắng hình hộp chữ nhật được bọc bằng 02 lớp nilon màu trắng, tiếp đến ra phía ngoài là một lớp nilon màu vàng, một lớp giấy nền màu nâu, một lớp nilon màu trắng, hai lớp nilon màu xanh, ngoài cùng là một lớp nilon màu trắng; trên hai mặt to của khối ở hai góc chéo nhau đều có chữ A và ký tự dạng chữ Trung Quốc màu đỏ, trên bề mặt to của khối có vết rạch hình chữ V để lộ ra chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Heroine (đã niêm phong trong 01 phong bì kí hiệu QT). Ngoài ra, còn thu giữ của NLC1 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; thu giữ của Đăng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại Dream biển kiểm soát (BKS) 99H9-8102 kèm theo 01 đăng ký xe máy và 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại AirBlade BKS 98Y1-0015. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã ra lệnh khám

xét khẩn cấp nơi ở của NLC1 và Đảng, kết quả không thu giữ gì. Kết luận giám định số 560 ngày 26/6/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: 01 khối chất cục bột màu trắng dạng hình hộp chữ nhật, có kích thước (15,4 x 10 x 2,3) cm đựng trong 01 túi nilon màu đen được niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu QT gửi giám định là chất ma túy Hêrôin có trọng lượng 342,6 gam.

Quá trình điều tra, Dương Văn H và Vũ Thị N, NLC1 và NLC2 khai: Năm 2010, Dương Văn H, sinh năm 1972 và vợ là Vũ Thị N, sinh năm 1973, đều trú tại thôn X, xã D, huyện P, tỉnh Tmua xe ô tô tải BKS 20L-9603 làm phương tiện vận chuyển, mua gạo ở tỉnh Thái Nguyên chở đến khu vực chợ thuộc bản Sập Việt, xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La để bán, sau đó mua chuối xanh ở khu vực này chở về Thái Nguyên rồi chở đi bán ở tỉnh Lạng Sơn. H thường sửa xe máy ở cửa hàng sửa chữa xe máy của NLC1 ở gần nhà nên vợ chồng H có quen biết NLC1, H và NLC1 có số điện thoại di động của nhau. Thời gian này, NLC1 quen một người đàn ông tự giới thiệu tên là H1 nhà ở thành phố Bắc Giang, NLC1 và H1 có số điện thoại di động của nhau. Trước ngày bị bắt khoảng hơn một tháng, NLC1 nói chuyện với H về việc vợ chồng H thường đi buôn bán hàng nông sản ở tỉnh Sơn La thì để ý xem có người nào bán ma túy Heroine thì mua mang về để NLC1 bán cho khách. Sau đó, trong lần đến mua bán nông sản ở chợ thuộc bản Sập Việt thì vợ chồng H gặp và quen một người đàn ông tự giới thiệu tên là Cao (tên gọi khác là Tôn) là người thường hay buôn bán ở chợ, H và Cao cho nhau số điện thoại di động. Cao hỏi H là ở dưới chỗ H ở có ai mua ma túy Heroine không. Do trước đó, NLC1 có nói chuyện với H về việc tìm mua ma túy nên H nói với Cao là để H hỏi xem, có gì thì H sẽ báo lại cho Cao. H cho Cao địa chỉ nhà H và bảo Cao khi nào rảnh thì đến nhà H chơi. Sau đó, Cao đến nhà vợ chồng H chơi (01 nhà ở thôn Xuôm, xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và 01 nhà ở thôn Ngo, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang). Vợ chồng H mời NLC1 đến ăn cơm cùng gia đình và Cao mục đích để NLC1 và Cao quen biết và bàn chuyện mua bán ma túy với nhau. Vợ chồng H nói chuyện với Cao về việc đang nợ nhiều tiền thì Cao nói là NLC1 biết có người cần mua ma túy, Cao sẽ đưa ma túy cho NLC1 bán, nếu việc bán ma túy suôn sẻ thì Cao sẽ chỉ dẫn cho vợ chồng H mua bán ma túy để có tiền trả nợ. Khoảng 11 giờ ngày 17/6/2012, H1 đi xe máy đến nhà NLC1 nói với NLC1 là đang tìm mua ma túy Heroine và nhờ NLC1 tìm xem có chỗ nào bán thì báo cho H1 đến mua, nếu mua được thì H1 cho NLC1 15 triệu đồng, NLC1 đồng ý. Khoảng 4-5 ngày trước ngày NLC1 và Đảng bị bắt, Cao mời vợ chồng H đến nhà chơi và ăn cơm ở nhà Cao. Sau đó, Cao đưa vợ chồng H đến nhà nghỉ để ngủ. Khi ở nhà nghỉ, N nói chuyện với H về việc Cao nói nếu Cao bán ma túy cho NLC1 suôn sẻ thì sẽ chỉ dẫn cho vợ chồng mua bán ma túy để có tiền trả nợ. Chiều ngày hôm sau Cao và vợ chồng H cùng đi về Thái Nguyên. Khi về đến nhà H ở thôn Xuôm, Cao nói cho H biết là có mang theo 01 bánh

ma túy Heroine để bán cho NLC1, nếu giúp Cao bán được thì Cao sẽ cho vợ chồng H 05 triệu đồng.

Khoảng 8-9 giờ ngày 24/6/2012, một mình NLC1 đi xe máy vào nhà H ở thôn Xuôm thì gặp H, Cao đang ngồi ở ghế cạnh bàn uống nước, N ngồi ở giường cạnh đó. NLC1 ngồi ở ghế uống nước với H và Cao. NLC1 nói với Cao là NLC1 đang có khách cần mua 1-2 bánh ma túy Heroine thì giá bán thế nào. Cao nói với NLC1 là chỉ có 01 bánh ma túy Heroine bán với giá là 185 triệu đồng. NLC1 dùng điện thoại di động Nokia của mình điện cho H1 để thông báo rồi đưa điện thoại cho Cao trao đổi với khách nhưng Cao bảo H trao đổi. H cầm điện thoại di động của NLC1 nói là bây giờ chỉ có 01 bánh ma túy và bán với giá 185 triệu đồng thì người khách đồng ý mua và bảo H là khi nào đến thì sẽ bảo NLC1 báo cho H biết. Lúc này, N ngồi ở giường nghe thấy và nói là nếu mua thì phải thanh toán tiền ngay, NLC1 đồng ý và đi về nhà. Khoảng 11-12 giờ cùng ngày, một mình NLC1 đi xe máy đến nhà H bảo H chuẩn bị sẵn ma túy, khách của NLC1 hẹn chiều nay đến mua, ngay sau đó NLC1 đi về nhà. Khoảng 14-15 giờ cùng ngày, H, N và Cao đang ở nhà tại thôn Xuôm thì NLC1 điện thoại di động cho H bảo mang ma túy đến khu vực UBND xã Lam Cốt để NLC1 nhận và giao cho khách. H bảo NLC1 đưa khách vào nhà H ở thôn Xuôm để giao dịch mua bán ma túy nhưng NLC1 nói NLC1 và khách đi xe ô tô nên không đi vào trong thôn Xuôm được. H bảo NLC1 mang tiền vào rồi mang ma túy ra nhưng NLC1 nói khách của NLC1 không đồng ý. Thấy H và NLC1 trao đổi qua điện thoại với nội dung như trên, N dùng điện thoại di động của H điện cho NLC1 để trao đổi về việc mua bán ma túy. Người khách nghe điện thoại và nói với N là xe ô tô không đi vào trong thôn Xuôm được thì N bảo người khách và NLC1 là chờ ở thôn Ngo sẽ có người mang ma túy đến. H bảo Cao là H đi ra thôn Ngo gặp NLC1 trước, lúc nào H điện thoại thì Cao mang ma túy đến. H đi xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Mio đến thôn Ngo và để xe ở vườn nhà chị vợ là NLC7 giáp với nhà H rồi đi vào vườn nhà mình phía tiếp giáp với bờ ao nhà anh vợ là Vũ Văn Túy. Lúc này, NLC1 điện thoại cho H nói là đã đi đến UNND xã Lam Cốt, H bảo NLC1 đi tiếp một đoạn nữa đến đoạn đường gần nhà H ở thôn Ngo. Ngay sau đó, H điện thoại cho Cao bảo Cao mang ma túy đến nhà H ở thôn Ngo, Cao bảo H điện thoại cho Đảng bảo Đảng mang ma túy đến đưa cho NLC1 nên H đã điện thoại cho Đảng. Sau đó, H đi vào nhà H ở thôn Ngo thì thấy Cao đã ở nhà này. H và Cao chờ một lúc thì thấy xe ô tô của NLC1 đi đến. H đi ra vườn phía tiếp giáp với bờ ao nhà anh Túy rồi vẫy tay ra hiệu cho NLC1 đi tiếp thêm một đoạn. Xe ô tô của NLC1 đi thêm một đoạn thì đỗ lại ở đoạn đường gần cổng nhà anh Túy, cách nhà H khoảng 15-20 mét. H đi vào thì Cao nói với H là ma túy để trong cốp xe AirBlade của H, xe dựng ở đường đi vào cổng nhà anh Túy, chìa khóa vẫn cắm ở xe. Khoảng 05 phút sau, H thấy Đảng đi xe máy Dream đến, H bảo Đảng đi đến chỗ xe AirBlade dựng ở cổng nhà anh Túy, mở cốp xe lấy ma túy đưa cho NLC1 rồi cầm tiền về. Nói với Đảng xong, H đi về sân nhà

mình ngồi uống nước cùng Cao ở bộ bàn ghế kê ở sân. Ngay sau đó, H nhìn thấy có nhiều người đang bắt NLC1 và Đảng nên H lấy xe máy đi về nhà ở thôn Xuôm. Sau khi NLC1 và Đảng bị bắt, Cao nói với vợ chồng H là việc Đảng và NLC1 bị bắt không liên quan đến Cao và vợ chồng H. Cao rủ vợ chồng H đến nhà Cao để làm ăn một thời gian nhưng vợ chồng H không đồng ý. Một ngày sau, H và N bỏ trốn khỏi địa phương, đến ở tại tổ 5, ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Ngày 21/6/2021, H và N bị Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan điều tra. Khi bị bắt, H bị thu giữ 02 chứng minh nhân dân, 02 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên H; N bị thu giữ 01 chứng minh nhân dân mang tên N.

Kết quả kiểm tra các điện thoại di động thu giữ của NLC1, NLC2 xác định được có các cuộc gọi đến-gọi đi với thời gian, ngày tháng năm, người gọi đến-gọi đi phù hợp với lời khai của NLC1, Đảng, H và N. Dương Văn H và Vũ Thị N đều nhận dạng được NLC1 qua bản ảnh. Dương Văn H, NLC1 đã vẽ lại sơ đồ ngôi nhà và vị trí H, Cao, NLC1, N ngồi trong nhà, phù hợp với lời khai của H, N, NLC1 và kết quả xác minh. NLC1, NLC2 đã vẽ lại sơ đồ vị trí bị bắt quả tang và vị trí của xe ô tô và 02 xe máy, phù hợp với kết quả xác định hiện trường.

NLC1 và NLC2 đã bị Tòa phúc thẩm tại Hà Nội, Tòa án nhân dân tối cao xét xử về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" tại Bản án hình sự phúc thẩm số 242 ngày 25/4/2013.

NLC1 khai không biết tên tuổi địa chỉ, chỗ ở cụ thể của người đàn ông tự giới thiệu tên là H1 ở đâu nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Căn cứ lời khai của các bị cáo H và N, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an xã Tạ Khoa và Công an xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La nhưng không làm rõ được đối tượng tên là Cao (tên gọi khác là Tôn) nên không có căn cứ để xử lý.

Kết quả giám định xác định được số máy, số khung của xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 98Y1-0015 đã bị đóng đục lại, không xác định được đầy đủ dây số máy, số khung nguyên thủy của xe. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu, xác minh nguồn gốc xe nhưng không làm rõ được nên không có đủ cơ sở để xác định người đăng ký sở hữu xe máy nêu trên. Xe máy BKS 98Y1-0015 và các giấy tờ thu giữ khi bắt truy nã Dương Văn H, Vũ Thị N đã được Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định. Các vật chứng, tài sản còn lại thu giữ trong vụ án đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang thi hành xong.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-P1 ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Dương Văn H, Vũ Thị N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị N còn khai nhận, ngoài hành vi đồng phạm mua bán 01 bánh ma túy Heroine, bị cáo còn một lần mua ma túy của Cao ( tức Tôn) với số tiền 50.000.000 đồng vào tháng 5/2012 bán cho NLC1.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

- Đối với bị cáo Dương Văn H: Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Dương Văn H 20 ( Hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", phạt bổ sung bằng tiền 05 triệu đồng.

- Đối với bị cáo Vũ Thị N: Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Vũ Thị N từ 18 năm đến 19 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", phạt bổ sung bằng tiền 05 triệu đồng.

Về xử lý tài sản, vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda loại Airblade, xe gắn BKS 98Y1-0015, số máy 1252360, số khung 039686.

- Trả lại bị cáo Dương Văn H 01 chứng minh nhân dân số 090634575, 01 chứng minh nhân dân số 030634575, 01 giấy phép lái xe số AG 648640, 01 giấy phép lái xe số 0519073 và 01 thẻ bảo hiểm y tế số DN 4757512066331 đều mang tên Dương Văn H.

- Trả lại bị cáo Vũ Thị N 01 chứng minh nhân dân số 121145996 mang tên Vũ Thị N.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2015 của Quốc hội; Buộc các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Luật sư NLC1 Văn Điệp bào chữa cho bị cáo Dương Văn H phát biểu luận cứ: Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Dương Văn H về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; với vai trò đồng phạm giúp sức là có căn cứ. Hành vi của bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N trong vụ án này là ngang nhau. Bị cáo H có nhân thân tốt chưa phạm tội lần nào, bị cáo H và bị cáo N là vợ chồng chỉ môi giới chưa được hưởng lợi, bị cáo nhận thức được việc làm của bị cáo là phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Dương Văn H từ 18 năm đến 19 năm tù.

Bị cáo Dương Văn H nhất trí như lời bào chữa của Luật sư không tranh luận gì thêm.

Luật sư Ngô BắcTiến bào chữa cho bị cáo Vũ Thị N phát biểu luận cứ: Về tội danh nhất trí như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Vũ Thị N về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 194

Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo N, bị cáo chỉ có hành vi lấy điện thoại di động của chồng là Dương Văn H điện cho NLC1 đến lấy Ma túy. Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị N còn khai thêm một lần mua bán ma túy nhưng không phù hợp với các tình tiết khác của vụ án, Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của bị cáo Vũ Thị N là do hám lợi nên đã đồng phạm với vai trò giúp sức. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vai trò của bị cáo N trong vụ án này là thứ yếu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Vũ Thị N từ 18 năm đến 18 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Vũ Thị N nhất trí như lời bào chữa của Luật sư không tranh luận gì thêm.

Kiểm sát viên đối đáp:

- Đối với quan điểm của Luật sư NLC1 Văn Điệp bào chữa cho bị cáo Dương Văn H cho rằng cả 02 bị cáo có vai trò là đồng phạm giúp sức là có căn cứ. Tuy nhiên căn cứ vào vai trò của từng đồng phạm, bị cáo H có vai trò cao hơn bị cáo N, do vậy, Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt 20 năm tù đối với bị cáo H là có căn cứ.

- Đối với quan điểm của Luật sư Ngô BắcTiến bào chữa cho bị cáo Vũ Thị N đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo N là phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát.

Các bên không ai tranh luận gì thêm, vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo Dương Văn H: Do thiếu hiểu biết nên bị cáo đã có hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Vũ Thị N: Không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Hội đồng xét xử thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho các bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho các bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người làm chứng,

phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 24/6/2012, tại thôn Ngo, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Bắc Giang phối hợp với Công an huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang NLC1, sinh năm 1980, trú tại phố Mới, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên và NLC2, sinh năm 1985, trú tại thôn Xuồm, xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đang có hành vi mua bán trái phép 01 bánh ma túy Heroine có khối lượng 342,6 gam.

Căn cứ kết quả điều tra xác định được: Vợ chồng Dương Văn H, sinh năm 1972 và Vũ Thị N, sinh năm 1973, đều trú tại thôn Xuồm, xã Dương Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên là những người đã cùng với đối tượng tên là Cao (gọi khác là Tôn) gặp và trao đổi mua bán ma túy với NLC1. Sau khi được Cao hứa hẹn sẽ cho 05 triệu đồng, Dương Văn H và Vũ Thị N đã gặp, điện thoại bàn bạc, thỏa thuận và hẹn NLC1 địa điểm giao dịch mua bán ma túy tại thôn Ngo, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau đó, Dương Văn H đã điện thoại cho NLC2, bảo Đảng lấy 01 bánh ma túy có khối lượng 342,6 gam để trong cốp xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 98Y1-0015 đưa bán cho NLC1.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-P1 ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, là đúng người, đúng tội và không oan đối với các bị cáo.

Hành vi của bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến việc độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất về ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bên cạnh đó nó còn là nguyên nhân và điều kiện phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, việc xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo là cần thiết.

Trong vụ án này, NLC1 là người trực tiếp mua ma túy nên giữ vai trò chính, NLC2 là người vận chuyển ma túy cho NLC1. Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 242/2013/HS-PT ngày 25/4/2013 của Tòa án nhân dân tối cao đã xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo NLC1 tù “ Chung thân” về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo NLC2 20 ( Hai mươi) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N mang tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức, bị cáo H và bị cáo N là 4đối tượng trung gian để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy cho người khác, không trực tiếp giao dịch mua bán ma túy.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Các bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc buộc các bị cáo cách ly xã hội một thời gian, có như vậy mới tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, đảm bảo phòng ngừa chung và phục vụ cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy trong giai đoạn hiện nay.

Tại phiên tòa các Luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N cũng như Luận tội của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N dưới mức khởi điểm của khung hình phạt; Hội đồng xét xử thấy các bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; do vậy không có căn cứ để áp dụng hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cho các bị cáo được.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N không thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị N khai ngoài hành vi bị truy tố mua bán trái phép 01 bánh ma túy Heroine, bị cáo còn một lần mua ma túy của Cao ( tức Tôn) với số tiền 50.000.000 đồng vào tháng 5/2012 bán cho NLC1. Việc mua bán chỉ có bị cáo với Cao và NLC1 biết, ngoài ra không có ai khác. Hội đồng xét xử thấy đây chỉ là lời khai của bị cáo Vũ Thị N, chưa có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội này của bị cáo. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, nếu có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý bằng vụ án khác về hành vi này của bị cáo Vũ Thị N.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Airblade, BKS: 98Y1 - 0015; số máy: 1252360; số khung: 039686.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 121145996 mang tên Vũ Thị N.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 090634575 mang tên Dương Văn H.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 030634575 mang tên Dương Văn H.

- 01 (một) giấy phép lái xe số AG 648640 mang tên Dương Văn H.

- 01 (một) giấy phép lái xe số 0519073 mang tên Dương Văn H.

- 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế số DN 4757512066331 mang tên Dương Văn H.

Xét thấy: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Airblade, BKS: 98Y1 - 0015; Kết quả giám định xác định được số máy, số khung của xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 98Y1-0015 đã bị đóng đục lại, không xác định được đầy đủ dãy số máy, số khung nguyên thủy của xe. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu, xác minh nguồn gốc xe nhưng không làm rõ được nên không có đủ cơ sở để xác định người đăng ký sở hữu xe máy nêu trên. Theo lời khai của NLC2 ( Là em bị cáo Dương Văn H) thì chiếc xe Mô tô trên là của bị cáo H. NLC1 khai chiếc xe mô tô này là của NLC1 mua của một người tên là Hoan ở thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với giá 18.000.000 đồng vào tháng 4/2012, vì không có đủ tiền mua xe nên có vay của Dương Văn H số tiền 15.000.000 đồng để mua xe, thời hạn vay 02 tháng. Do chưa có tiền trả cho hoạch nên NLC1 đã gia xe mô tô cùng giaays tờ xe cho H để trừ nợ.Xét thấy đây là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, do vậy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) chứng minh nhân dân số 121145996 mang tên Vũ Thị N.

01 (một) chứng minh nhân dân số 090634575 mang tên Dương Văn H. 01 (một) chứng minh nhân dân số 030634575 mang tên Dương Văn H. 01 (một) giấy phép lái xe số AG 648640 mang tên Dương Văn H. 01 (một) giấy phép lái xe số 0519073 mang tên Dương Văn H. 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế số DN 4757512066331 mang tên Dương Văn H. Xét thấy, đây là những giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật TTHS; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N phải nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b, khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Dương Văn H 20 ( Hai mươi ) năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt truy nã ngày 21/6/2021.

Phạt bổ sung 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vũ Thị N 20 ( Hai mươi) năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt truy nã ngày 21/6/2021.

Phạt bổ sung 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

\* Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Airblade, BKS: 98Y1 - 0015; số máy: 1252360; số khung: 039686.

\* Trả lại bị cáo Dương Văn H: 01 (một) chứng minh nhân dân số 090634575 mang tên Dương Văn H. 01 (một) chứng minh nhân dân số 030634575 mang tên Dương Văn H. 01 (một) giấy phép lái xe số AG 648640 mang tên Dương Văn H. 01 (một) giấy phép lái xe số 0519073 mang tên Dương Văn H. 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế số DN 4757512066331 mang tên Dương Văn H.

\* Trả lại bị cáo Vũ Thị N: 01 (một) chứng minh nhân dân số 121145996 mang tên Vũ Thị N.

3. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 21; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo Dương Văn H và Vũ Thị N có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thi hành án;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS,THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Gia Lương**